

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày: 20-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Thẩm phán Ông Nguyễn Quốc Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thọ - Trưởng ban tôn giáo tỉnh
Quảng Nam

Ông Nguyễn Sang - Cán bộ Hưu trí,
nguyên là giáo viên

Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Trưởng phòng
nghịệp vụ 4, thanh tra tỉnh Quảng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phước Quang - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Ngọc Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 05
tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-
HS ngày 24 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2002; nơi cư trú:
thôn L, xã B, huyện G, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình
độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Cơ tu; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc
tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C; chưa có vợ con; tiền
án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08-10-2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại
tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người bào chữa: Ông Trương Ngọc Tr, luật sư-Trợ giúp viên pháp lý,
Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam bào chữa cho bị cáo H, có
mặt.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1975 và bà Trần Thị C, sinh năm 1976, trú
tại: thôn L, xã B, huyện G, tỉnh Quảng Nam (Cha mẹ của bị cáo), có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1936; trú tại: thôn B, xã A, huyện Đ
G, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị C, sinh năm 1976. Trú tại: thôn L, xã B, huyện G, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Bà Đặng Thị Vân A, sinh năm 1999. Trú tại: thôn L, xã B, huyện G, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình của Nguyễn Văn H có rẫy keo tại thôn B, xã A, huyện G, tỉnh Quảng Nam, nằm phía trước ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Q. Do đó, thường ngày H đi đường tắt từ nhà H đến khu rẫy keo này để bắt thú rừng nên quen biết bà Q và con trai bà Q là anh Hồ Văn S. Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 07-10-2018, H mang theo một con dao bỏ vào túi quần lưng bên phải đang mặc, đi đến rẫy keo trước nhà bà Nguyễn Thị Q để thăm bắt thú mà H đã đặt trước đó, nhưng không có con thú nào mắc bẫy để bán lấy tiền tiêu xài. Trước đó mấy ngày, H đi bắt thú thì gặp bà Q đứng trước cổng ngõ nhà bà Quy, ở túi áo phía bên trái của bà Q đang mặc nổi cộm lên được gài giữ bằng kim băng, H nghĩ rằng bà Q để tiền trong túi áo nên lúc này nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà Q. H đi đến nhà bà Q thì gặp anh Hồ Văn S đang chẻ củi ở trước sân nhà. H hỏi anh S xin nước uống và chơi cùng anh S. Một lúc sau, anh S chẻ củi xong đem con rựa vào nhà bếp cắt. Thấy vậy, H nói với anh S “cho con mượn con rựa đi chặt mấy nhánh cây làm bẫy thú”, anh S đi vào nhà bếp lấy con rựa ra đưa cho H. H cầm con rựa đi ra khu vườn phía sau nhà bà Q chặt mấy nhánh cây xong, H cầm con rựa đi vào nhà trả cho anh S. Anh S cầm con rựa đi vào nhà bếp cắt rồi dắt chiếc xem máy ra dựng trước hiên nhà và nói với H “mi có về không tau chờ về một đoạn”, H trả lời “thôi để con đi đường tắt về cũng được”. Nói xong, H đi ra khỏi nhà bà Q theo đường tắt khoảng 100 mét thì nấp vào bụi cây để canh chừng anh S.

Khoảng 10 phút sau, H nhìn thấy anh S điều khiển xe máy đi ra khỏi nhà. H tiếp tục đợi thêm 05 phút nữa không thấy anh S về nên H đi vào nhà bà Q. H nhìn thấy bà Q đang ở trong nhà nên H hỏi bà Q “chú S đi đâu rồi bà”, bà Q trả lời “chắc hẳn đi uống cà phê rồi”. Nói xong, bà Q đứng dậy đi đến chiếc bàn để giữa nhà lấy sữa uống thì H nhìn thấy trong túi áo bên trái của bà Q cộm lên nên H đi theo phía sau lưng bà Q, dùng tay trái của mình thò vào túi áo của bà Q để móc tiền. Khi cầm được tiền, H rút tay ra thì bị vướng chiếc ghim băng gài giữ túi áo nên bị bà Q phát hiện, dùng hai tay giữ chặt tay của H. Hai bên giằng co qua lại, bà Q không thả tay H ra nên H dùng tay phải bóp cổ bà Q và vật bà Q nằm ngửa xuống nền xi măng. Bà Q thả hai tay ra, H lấy được tiền trong túi áo bà Q bỏ vào túi quần bên trái đang mặc. H tiếp tục ngồi lên bụng bà Q, bóp cổ bà Q làm bà Q nghẹt thở nằm im không còn cử động. H dùng hai tay nắm hai vai của bà Q kéo vào góc giường ngủ của bà Q. Lúc này, H sợ bà Q tỉnh dậy sẽ khai báo ra hành vi phạm tội của mình nên H dùng tay phải lấy con dao Thái Lan trong túi quần, H ngồi xuống đối diện phía bên trái bà Q đang nằm, với tư thế gối chân phải chạm nền xi măng, chân trái cao, chân phải thấp, tay phải cầm dao đâm một nhát mạnh theo hướng từ ngoài vào trong, từ dưới lên trên, từ trái sang phải vào cổ phía bên trái của bà Q. H rút con dao ra thì thấy cổ bà Q chảy nhiều máu. H

nghe bà Q đã chết nên lấy tấm mền trên giường ngủ của bà Q đắp lên hai chân của bà Q. H cầm con dao đi ra, đóng cửa nhà bà Q lại rồi cầm con dao chạy theo đường tắt về nhà mình. Trên đường đi về, H nhìn thấy 01 vũng bùn bên đường nên đem con dao giấu xuống vũng bùn, rửa sạch tay, lấy tiền vừa chiếm đoạt của bà Q ra đếm được 503.000 đồng. H bỏ tiền vào túi quần bên trái rồi tiếp tục đi về nhà. H đưa cho mẹ H là bà Trần Thị C số tiền 500.000 đồng và nói là tiền H đi phụ xe có được, còn giữ lại 3.000 đồng. Bà C hỏi H “ăn sáng chưa”, H trả lời “chưa”, bà C đưa cho H 10.000 đồng. H cầm 10.000 đồng của bà C đưa và số tiền còn lại 3.000 đồng (của bà Q) đi đến quán tạp hóa Phương D mua 03 gói mì tôm với số tiền 12.000 đồng. H đem 03 gói mì tôm về nhà nấu ăn. Khi H đang ăn mì tôm thì Công an xã Ba, huyện Đông Giang đến yêu cầu H đến Công an xã làm việc. H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Số tiền còn lại 1.000 đồng (của bà Q) H để đâu H không nhớ.

Đối với bà Nguyễn Thị Q, sau khi H đi ra khỏi nhà thì con trai bà Q là anh Hồ Văn S về nhà đã phát hiện bà Q bị thương tích nên anh S đưa bà Q đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa thành phố Đà Nẵng. Do được cấp cứu và điều trị kịp thời nên bà Q không chết.

* Tại Bản kết luận giám định thương tích số 09/GĐTT.19 ngày 07-01-2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam đã ghi nhận và kết luận thương tích của bà Nguyễn Thị Q như sau:

- Thương tích chi tiết:
 - + Vùng má bên phải có vết xát da đã lành sẹo hình gần tròn đường kính 0,5cm. Vết thương do vật tày tác động gây nên;
 - + Vùng cổ, sát góc hàm bên trái có vết rách da và cơ đã lành sẹo dài 0,9 cm, rộng 0,1 cm. Hướng từ trước ra sau, chệch nhẹ từ dưới lên trên, từ trái sang phải. Vết thương do vật sắc cạnh có mũi nhọn gây nên;
 - + Vùng trước cổ, sát dưới sụn giáp có vết mổ khai khí quản đã lành để lại sẹo co kéo, xấp xỉ dài 1,5cm, rộng 0,2cm, sờ nắn tổ chức dưới da di động;
 - + Bệnh nhân không khó thở, động tác nuốt thức ăn và nước uống được bình thường. Phát âm đúng, rõ.

- Kết luận giám định:
Tổn thương chủ yếu hiện tại còn thấy được ở trên bệnh nhân là các vết rách da, xát da, vết mổ như đã nêu trên;

Vết thương vùng cổ trái xuyên thấu vào thành họng gây suy hô hấp độ II đã được phẫu thuật khai khí quản giải thoát đường thở tạm ổn.

Không tổn thương xương;
Không thấy dấu hiệu thần kinh khu trú;
Hiện tại bệnh nhân không khó thở, động tác nuốt thức ăn và nước uống được bình thường. Phát âm đúng, rõ.

Tỷ lệ thương tích tại thời điểm hiện tại: 10%

* Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ

- 01 con dao (loại dao Thái Lan) có chiều dài 20,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 10,5cm, mũi dao nhọn; cán dao bằng nhựa màu vàng dài 10cm;
- 01 chiếc áo màu xanh ngắn tay, 01 chiếc quần lửng màu xám của H;

- 01 chiếc áo dài tay màu trắng cổ lọ, 01 chiếc áo ngắn tay ca rô màu đỏ, 01 chiếc quần lửng có hoa văn màu đà của bà Q;
- Số tiền 500.000 đồng do bà Trần Thị C giao nộp. Đây là số tiền H chiếm đoạt của bà Q;

- Số tiền 12.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng của bà C cho H, 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng mà H chiếm đoạt của bà Q) do chị Đặng Thị Vân A giao nộp. Đây là số tiền H mua 03 gói mì tôm;

* Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Nguyễn Văn H đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị Q các khoản chi phí điều trị thương tích với số tiền 20.000.000 đồng. Bị hại Nguyễn Thị Q không yêu cầu bồi thường gì thêm và không có khiếu nại gì về phần dân sự.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKS-P2 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Giết người*” và “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm e, g khoản 1 Điều 123, điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố về tội danh, khoản, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e, g khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e, i khoản 2 Điều 52, khoản 3 Điều 57; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 11 năm đến 12 năm tù về tội “*Giết người*”;

- Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 6 năm đến 7 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 17 năm tù đến 18 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Nguyễn Văn H đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị Q các khoản chi phí điều trị thương tích với số tiền 20.000.000 đồng. Bị hại Nguyễn Thị Q không yêu cầu bồi thường gì thêm và không có khiếu nại gì về phần dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa với luận cứ: Về tội danh thống nhất như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam truy tố, tuy nhiên bị cáo là người dân tộc thiểu số, tuổi đời còn trẻ chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức án mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo thống nhất với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận và xin được giảm nhẹ về hình phạt.

Bị hại Q không tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua thẩm tra xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa được xác định phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, bản giám định thương tích, cùng các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do trước đây bị cáo nhìn thấy bị hại bà Nguyễn Thị Q để tiền trong túi áo, nên vào lúc 06 giờ ngày 07-10-2018 bị cáo có ý định chiếm đoạt số tiền của bà Q để tiêu xài, khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tiền trong túi áo bà Q thì bị bà Q phát hiện nên bị cáo đã bóp cổ và vật bà Q ngã xuống nền nhà cho đến khi bà Q bất tỉnh không còn khả năng kháng cự và chiếm đoạt số tiền 503.000 đồng trong túi áo của bà Q. Sợ bà Q còn sống tố cáo hành vi phạm tội của mình nên bị cáo đã dùng dao mang theo đâm vào cổ bị hại nhằm tước đoạt sinh mạng của bị hại để che dấu hành vi phạm tội của mình, hậu quả bị hại không chết mà bị thương tích với tỷ lệ là 10%. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn H đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Giết người” với các tình tiết định khung hình phạt “Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”; “Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác” theo quy định tại điểm e, g khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Cướp tài sản” với các tình tiết định khung hình phạt “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”; “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của công dân cũng như tính mạng, quyền được sống của con người là thiêng liêng, bất khả xâm phạm được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Do đó, bất kỳ ai có hành vi trái pháp luật, xâm hại đến các quyền cơ bản của công dân đều bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc và dư luận xã hội căm phẫn lên án, bị cáo có đủ năng lực hành vi để nhận thức được điều đó, nhưng bị

cáo đã bắt chắp pháp luật và tính mạng con người, bị cáo dùng tay bóp cổ người bị hại đến khi bất tỉnh để chiếm đoạt số tiền 503.000 đồng, liền sau đó dùng dao mang theo đâm vào cổ bị hại nhằm tước đoạt tính mạng người bị hại và che dấu hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, không chỉ gây thương tích, mất mát về tài sản cho bị hại mà còn gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân địa phương. Do đó cần có mức án nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo trong vụ án thì thấy:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với tội “Giết người” bị cáo thực hiện hành vi bóp cổ người bị hại Nguyễn Thị Q đã 72 tuổi, cho đến khi người bị hại bất tỉnh, tiếp tục dùng dao đâm vào cổ người bị hại với mục đích làm cho người bị hại chết để khỏi khai báo ra hành vi phạm tội của mình thể hiện coi thường pháp luật, cố tình thực hiện tội phạm đến cùng và phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm e, i khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại; thời điểm khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên chỉ mới 16 tuổi 08 tháng 25 ngày. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được xem xét áp dụng để giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Đồng thời, hành vi phạm tội “Giết người” của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên khi quyết định hình phạt bị cáo được áp dụng Điều 15; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự và cần xem xét nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nên có cơ sở áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội “Cướp tài sản” khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện hợp pháp của bị cáo đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Q các khoản chi phí điều trị thương tích là 20.000.0000 đồng, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết. Đối với số tiền 3.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của bị hại Q để sử dụng mua mỳ tôm, trước khi xét xử sơ thẩm ông C là cha của bị cáo đã bồi thường cho bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dao (loại dao Thái Lan) có chiều dài 20,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 10,5 cm, mũi dao nhọn, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 10cm; 01 chiếc áo màu xanh ngắn tay; 01 chiếc quần lửng màu xám (của bị cáo Nguyễn Văn H); 01 chiếc áo dài tay màu trắng cổ lọ, 01 chiếc áo ngắn tay ca rô màu đỏ, 01 chiếc quần lửng có hoa văn màu đà (của bà Q); xét thấy, đây là các dụng cụ, đồ dùng cá nhân, các chủ sở hữu không nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Sau khi bị cáo chiếm đoạt số tiền 503.000 đồng của bị hại Q, bị cáo mang về đưa cho bà C cất giữ, bà C đã giao nộp số tiền 500.000 đồng cho cơ quan điều tra nên cần trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 500.000 đồng.

- Đối với số tiền 12.000 đồng, bị cáo H dùng để mua mỳ tôm của bà Đặng Thị Vân A, bà A không biết số tiền do bị cáo phạm tội mà có, bà A đã giao nộp số tiền 12.000 đồng cho cơ quan điều tra, đại diện hợp pháp của bị cáo là ông C đã trả lại cho bà A số tiền 12.000 đồng, nên cần trả lại số tiền 12.000 đồng cho đại diện hợp pháp của bị cáo hiện nay đang được thu giữ, ông Nguyễn Văn C đại diện nhận số tiền này.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm e, g khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e, i Khoản 2 Điều 52; Điều 15 và khoản 3 Điều 57; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 10 năm tù về tội “Giết người”.

Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành chung hình phạt của cả hai tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 08-10-2018.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (loại dao Thái Lan) có chiều dài 20,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 10,5 cm, mũi dao nhọn, cán dao bằng nhựa màu vàng dài 10cm; 01 chiếc áo màu xanh ngắn tay; 01 chiếc quần lửng màu xám (của bị cáo Nguyễn Văn H); 01 chiếc áo dài tay màu trắng cổ lọ, 01 chiếc áo ngắn tay ca rô màu đỏ, 01 chiếc quần lửng có hoa văn màu đà (của bà Quy).

-Trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 500.000 đồng.

-Trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 12.000 đồng.

(Vật chứng này hiện được lưu giữ, quản lý tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02-8-2019 - BL 192 và giấy nộp tiền vào kho bạc Nhà nước lập ngày 29-7-2019 BL 160).

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- Phòng HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Người tham gia TT
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đinh Văn Long